

Bản án số: 122/2023/HS-PT
Ngày 20 - 12 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thái Hùng.

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Đức Hào.

Ông Trần Minh Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 138/2023/TLPT-HS ngày 11 tháng 9 năm 2023 do có kháng cáo của bị hại anh Bùi Duy Thanh T2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2023/HS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

Các bị cáo bị kháng cáo:

1. Đỗ Trung H, sinh năm 1990 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Xuân C, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966; vợ: Chu Thị L, sinh năm 1993; con: 01 con sinh năm 2018;

Tiền án: không, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Tại Bản án số 28/2012/HSST ngày 28/11/2012, Tòa án nhân dân huyện Đak Hà, tỉnh Kon Tum tuyên phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong;

- Tại Bản án số 15/2013/HSST ngày 03/01/2013, Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tuyên phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giam kể từ ngày 29/7/2022 (có mặt tại phiên tòa).

2. Thái Văn Đ, sinh năm 1979 tại Quảng Trị; nơi đăng ký thường trú: ấp G, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Văn N, sinh năm 1957 và bà Phùng Thị T, sinh năm 1960; vợ: Phạm Thị Thu M, sinh năm 1980; con: 02 con, con lớn sinh năm 2003, nhỏ

2007;

Tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam kể từ ngày 29/7/2022 (có mặt tại phiên tòa).

3. Chu Hữu P, sinh năm 1990 tại Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi đăng ký thường trú: khu phố L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Hữu H1, sinh năm 1957 và bà Trần Thị T1, sinh năm 1960; vợ: Văng Thị Kim H2, sinh năm 1996, con: 01 con sinh năm 2021;

Tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam kể từ ngày 29/7/2022 (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại kháng cáo: ông Bùi Duy Thanh T2, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ liên lạc: số phòng 1602, số nhà C đường T, phường T, quận T, Tp . (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 ngày 26/07/2022, Đỗ Trung H, Thái Văn Đ và Chu Hữu P cùng nhau uống rượu tại nhà của P, địa chỉ: khu phố L, thị trấn P, huyện X. Đến khoảng 17 giờ 00 cùng ngày, Chu Thị L (là vợ của H và là chị ruột của P) nói với H xin đi đến quán Quê M1 cùng nhóm bạn làm ăn chung với chị Chu Thị N1 (chị ruột L), H đồng ý. Sau khi L đi, H có kể cho Đ và P nghe về việc gần đây L hay nhắn tin, nói chuyện qua lại với người tên T2 cùng làm ăn chung với chị N1. Lúc này, Đ nói “đánh cho nó một trận cút về B”, “đập chết mẹ nó, gập tao chặt chân, không cho nó ở đây” còn P nói “Vợ con như vậy không được rồi, gập vợ cậu như vậy sẽ đánh, đuổi ra khỏi nhà, còn thằng bồ thì đập một trận”. Nghe Đ và P kích động, H nói “giờ đi xuống quán Quê Minh tìm L” thì Đ nói “xuống đó thấy thằng nào có cử chỉ thân mật thì đập cho nó một trận”, cả ba đều đồng ý.

Sau đó, Đ điều khiển xe ô tô biển số 72A-565.46 do chị Phạm Thị Thu M (vợ Đ) chở H và P đi, khi vừa ra khỏi cổng Đ nói cho H biết ở phía sau cốp xe có một cái cưa tay, mục đích để H cầm theo để đánh người nghi ngờ có quan hệ tình cảm với L. Cả ba đi đến quán “Quê Minh” nhưng không thấy L nên Đ tiếp tục điều khiển xe chở H và P đi tìm kiếm. Khi đến khu vực ấp T, xã P, huyện X, Đ thấy xe ô tô đã chở L đi đang dừng trước quán K nên nói “xe của bọn nó đây rồi” và dừng xe trước quán. H và P xuống xe trước. H đi vào được khoảng 3 mét thì nhớ trong cốp xe có cưa tay nên quay lại, Đ hiểu ý nên đứng phía sau xe mở

cốp lấy cưa, đưa cho H. H cầm cật giấu trong lưng quần rồi đi trước, Đ đi sau còn P đứng ở sảnh quán nghe điện thoại và đi vào sau cùng. H đi đến phòng thứ nhất của quán nhìn vào trong không thấy ai nên tiếp tục đi đến phòng Vip 2 của quán nhìn qua tấm kính cửa thấy T2 ngồi gần L cùng nhóm của chị N1 đang hát karaoke nên H bực tức xông vào rút cưa từ trong người ra chém 01 nhát từ trên xuống hướng vào người T2, T2 đưa tay trái lên đỡ thì trúng vào tay gây thương tích. H tiếp tục cầm cưa chém nhát thứ hai thì T2 chụp được lưỡi cưa giằng co làm lưỡi cưa bị bung ra khỏi cán rơi xuống đất. Thấy vậy, Trần Hoàng T3 đang ngồi hát liền chạy đến can ngăn thì Đ đi vào, thấy T3 ngăn cản không cho H đánh T2 nên Đ dùng tay phải đâm vào gò má, tay trái túm cổ áo rồi với lấy ly thủy tinh trên bàn đánh vào đầu của T3 2-3 cái làm bể ly thủy tinh gây thương tích cho anh T3, sau đó Đ đề T3 lên thùng loa dùng tay đâm vào mặt, dùng chân đánh vào lưng và đầu. Lúc này, ở phía H vẫn đang giằng co để đánh T2, sau khi lưỡi cưa bung ra khỏi cán rớt xuống đất H vẫn cầm cán cưa thì L chụp tay H kéo về phía L và nói “đâm trúng vợ rồi” nên H bỏ ra và lao vào vật T2 xuống nền đất, L dùng váy đang mặc trùm lên người che cho T2, H cầm ly thủy tinh ném về phía T2 nhưng không trúng.

Sau khi bị Đ đánh, T3 ngồi lên ghế, cùng lúc đó P đi vào thấy T3 bị thương tích còn H và Đ đang đánh T2 nên P chạy đến bước qua bàn đến chỗ T3 tay trái nắm cổ áo còn tay phải chỉ vào mặt T3 đe dọa ngồi im. Chị N1 đang đứng gần T3 thì chạy đến chỗ Đ và H kéo Đ ra can ngăn không cho đánh T2, khoảng cách giữa chị N1 và Đ khoảng 40cm nên nhìn thấy Đ đang cúi khom người dùng 02 tay cầm vật gì đó (do đèn trong quán mờ nên chị N1 không xác định được hung khí) luôn ra phía sau hai đầu gối chân T2 và di chuyển 02 tay từ phải qua trái và từ trái qua phải. P thấy N1 can ngăn Đ thì chạy đến cầm micro trên bàn đánh 01 cái trúng vào trán chị N1, chị N1 sợ chạy ra ngoài thì cùng lúc này M, V (chưa rõ lai lịch) đi cùng nhóm của N1 cũng chạy theo ra, P cầm micro đuổi theo chị N1. Đ thấy vậy, sợ nhóm của chị N1 báo Công an nên cầm xô đá đuổi theo ra ngoài khu vực sảnh quán. Trong phòng H vẫn tiếp tục giằng co để đánh T2, T2 cầm gấp đá đâm về hướng H, H một tay chụp đồ gấp đá trên tay T2 một tay đẩy người Toàn về bên góc trái phòng. Liên tiếp tục vào can ngăn, kéo H ra thì bị trượt ngã xuống nền phòng. Lúc này, T2 quay lại vị trí ban đầu ngồi ở ghế (gần cửa ra vào), L đứng dậy đến ôm và che cho T2 thì H chạy đến tiếp tục đánh T2 bằng tay. Cùng lúc, Đ và P quay lại thấy nhân viên của quán đi vào, Đ chạy ra nói “đây là việc gia đình đưa nào vào tao đánh chết”, rồi đi vào trong thấy H, L, T2 đang ôm vật nhau trên ghế, Đ dùng chân tiếp tục đạp vào người và đầu T2 còn P chạy đến đứng lên ghế cầm ly thủy tinh với tay đánh vào đầu T2 thì trúng vào đầu L nhưng không gây thương tích, P tiếp tục dùng ly đánh lần hai thì trúng vào vùng trán T2 gây thương tích. Sau đó, P kéo L nói “đi

về” còn L cầm tay kéo H đi ra khỏi cửa phòng của quán, Đ ra lấy xe ô tô chờ trước đó. Lúc này, T2 vào nhà vệ sinh đứng một lúc rồi đi ra cửa phòng ngã quỵ nằm xuống đất thì được nhân viên đến băng bó vết thương. H ra khỏi phòng tiếp tục quay lại dùng chân đá vào người T2 2-3 cái thì được mọi người can ngăn, sau đó H, P, Đ ra xe bỏ đi, T2 và T3 được đưa đi cấp cứu chữa trị vết thương.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 318/TgT ngày 19/08/2022 và số 305/TgT ngày 09/08/2022 của Trung tâm Giám định pháp y thuộc Sở y tế tỉnh B kết luận như sau:

* *Thương tích của Bùi Duy Thanh T2*: Thương tích 1: Sẹo da ở bên phải trán (sát chân tóc), không rõ hình dạng hình học, bờ không gọn, lành màu hồng nhạt, kích thước 1.2cm x 03cm; thương tích 2: Sẹo da ở khoảng giữa hai cung mày, không rõ hình dạng hình học, bờ không gọn, lành màu hồng nhạt, kích thước # 02cm x 0.4cm; thương tích 3: Sẹo da ở khoeo chân trái, dạng dài, bờ không gọn, lành lồi nhẹ không liên tục, kích thước 12cm x 0.7cm. Giảm nhẹ cảm giác ở mặt ngoài cẳng chân, gấp duỗi gối trái được trong khoảng từ 0° đến trên 125°; Thương tích 4: theo hồ sơ y tế: Vùng gối phải có 02 sẹo, đã xử trí phẫu thuật, hiện tại: ở mặt trong và sau gối phải có sẹo da không rõ hình dạng hình học, bờ không gọn, màu nâu sậm, lành lồi, kích thước tổng cộng 20cm x 0.6cm. Gấp duỗi gối phải hạn chế ít do đau, sẹo dẫn lưu ở mặt trong gối phải (cách thương tích 4 về phía trên 01cm), lành màu nâu sậm, kích thước 1cm x 0.3cm; thương tích 5: Sẹo da vùng mô út bàn tay trái, dạng hình “chữ V”, bờ gọn, đóng mày đen chân chỉ khâu, kích thước # 6.5cm x 0.3cm, thực hiện các động tác bàn tay không hạn chế.

Phần kết luận:

- Dấu hiệu chính qua giám định: 01 sẹo nhỏ vùng mặt; 02 sẹo nhỏ (sẹo ở chân tóc và sẹo dẫn lưu); 02 sẹo lớn (vùng khoeo hai bên); 01 sẹo trung bình ở bàn tay; chân trái: Đứt hoàn toàn thần kinh mác chung (hay còn gọi là thần kinh hông khoeo ngoài) và đứt bán phần thần kinh chày, đã khâu phục hồi. Hiện tại còn biểu hiện tổn thương bán phần thần kinh hông khoeo ngoài. Gối trái gấp duỗi được trong khoảng từ 0° đến trên 125°; đứt gấp tĩnh mạch khoeo, đã khâu, lành thương tốt.

- Về vật gây thương tích, chiều hướng:

+ Thương tích 1, 2: Khả năng được gây ra do sự tác động tương hỗ vật rắn tầy, tác động vào vị trí thương tích theo chiều hướng từ trước ra sau.

+ Thương tích 3, 4, 5: Khả năng được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng có cạnh sắc, tác động vào vị trí thương tích theo chiều hướng: với thương tích 3: từ sau ra trước, với thương tích 4: từ trái sang phải; với thương tích 5: từ trước ra sau.

- Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/08/2019 của Bộ Y tế, Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với Bùi Duy Thanh T2 hiện tại là: 37% (Ba mươi bảy phần trăm), trong đó thương tích 1: Có tỷ lệ thương tật là 1%; thương tích 2: Có tỷ lệ thương tật là 3%; thương tích 3: Có tỷ lệ thương tật là 29%; thương tích 4: Có tỷ lệ thương tật là 6%; thương tích 5: Có tỷ lệ thương tật là 2%.

* *Thương tích của Trần Hoàng T3*: Thương tích 1: Vết thương còn chỉ khâu ở bên phải trán (trong tóc), không rõ hình dạng hình học, bờ không gọn, khô mày đen, không rỉ dịch, kích thước 0.7cm x 0.4cm; thương tích 2: Vết thương còn chỉ khâu ở bên chán trái (sát chân tóc), dạng hình cung, bờ không gọn, khô mày đen, không rỉ dịch, kích thước 2.5cm x 0.2cm; thương tích 3: tổn thương da nông không liên tục ở mặt trong $\frac{1}{2}$ dưới cẳng tay trái, dạng vết dài và song song nhau, kèm bầm máu đã chuyển màu vàng xanh, kích thước # 15cm x 9cm, vận động cẳng tay, bàn tay và các ngón bàn tay trái bình thường.

Phân kết luận:

- Dấu hiệu chính qua giám định: 02 vết thương, khả năng lành sẹo nhỏ và 01 tổn thương nông, khả năng lành đổi màu da.

- Về vật gây thương tích, chiều hướng:

+ Thương tích 1: Khả năng được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật rắn tày có cạnh tác động vào vị trí thương tích theo chiều hướng từ phải sang trái.

+ Thương tích 2: Khả năng được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật rắn tày có cạnh tác động vào vị trí thương tích theo chiều hướng từ trái sang phải.

+ Thương tích 3: Được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật rắn tày có cạnh tác động vào vị trí thương tích theo chiều hướng từ phải sang trái, từ sau ra trước.

- Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/08/2019 của Bộ Y tế, Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với Trần Hoàng T3 hiện tại là: 02% (Một phần trăm). Trong đó: Thương tích 1 và 2: mỗi thương tích có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 1 %, thương tích 3: có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 0.5 %.

Đối với các thương tích trên của bị hại, quá trình điều tra các bị cáo khai: H là người cầm cửa đi vào phòng để chém T2, khi bị hại T2 đưa tay lên đỡ thì trúng vào tay trái gây thương tích, sau đó H tiếp tục chém T2 thì T2 chụp lưới

cửa giăng co làm lưới cửa rơi xuống đất. Bị cáo Đ thấy T3 can ngăn H không cho đánh T2 nên Đ đã có lời lẽ đe dọa và dùng ly bia đánh 2-3 cái vào đầu T3 gây thương tích. Bị cáo P khi thấy H, T2, L giăng co với nhau thì cầm ly bia đánh vào trán T2 gây thương tích.

Đối với thương tích ở khuỷu chân trái và gối phải các bị cáo không nhận gây ra cho bị hại T2. Tuy nhiên, qua trích xuất camera của quán K, tại khu vực bên ngoài sảnh quán và lời khai của các bị hại, nhân chứng tại thời điểm xảy ra vụ án ngoài H, Đ, P ra thì không còn ai vào phòng mâu thuẫn, xô xát và gây thương tích cho bị hại. Sau khi các bị cáo bỏ đi, bị hại T2 đi ra cửa và gục ngã xuống thì được nhân viên của quán băng bó vết thương ở chân, đưa đi cấp cứu và điều trị tại bệnh viện. Ngay sau khi vụ án xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã yêu cầu Đ, H và P về làm việc. Tại Cơ quan điều tra biên bản ghi lời khai lúc 21 giờ 40 phút ngày 29/7/2022, Đ thừa nhận thương tích ở vùng đầu gối hai chân của bị hại T2 là do Đ gây ra là phù hợp với lời khai của nhân chứng N1, phù hợp với đặc điểm vết thương, phù hợp với diễn biến vụ án về ý thức của bị cáo ngay từ đầu, chính bị cáo Đ là người nói “đi chặt chân nó” và phù hợp với kết luận giám định. Tuy nhiên, sau đó Đ thay đổi lời khai, không thừa nhận đã gây thương tích khuỷu chân trái và gối phải cho anh T2 là quanh co, chưa thành khẩn nhằm giảm trách nhiệm của bản thân. Do đó, đủ cơ sở kết luận các thương tích ở chân T2 là do bị cáo Đ gây ra.

Đối với thương tích của bị hại T3 do bị cáo Đ trực tiếp gây ra, tuy nhiên mục đích ban đầu các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội, là thống nhất tìm T2 đánh gây thương tích do nghi ngờ T2 có quan hệ tình cảm với L (trong đó H, P có quen biết với T2 trước đó). Đến nơi, thấy H đang đánh T2 nên Đ hiểu T2 chính là người có quan hệ tình cảm với L. Khi thấy T3 vào can ngăn không cho H đánh T2, Đ có hành vi dùng ly thủy tinh đánh, gây thương tích cho T3 nhằm giúp cho H thực hiện hành vi phạm tội. Việc Đ đánh gây thương tích cho T3 là nằm ngoài ý thức ban đầu của H và P. Do đó ngoài chịu chung trách nhiệm đối với thương tích của bị hại T2 cùng H và P thì Đ phải chịu thêm trách nhiệm đối với thương tích của T3 do mình gây ra.

Vật chứng thu giữ và xử lý: 01 vỏ nhựa đựng lưới cửa, màu đen, kích thước 44 x 5,5 cm; 01 lưới cửa bằng kim loại, kích thước dài: 36,9 cm, lưới cửa một đầu rộng 2,2cm và một đầu rộng 4,2cm, bị cáo H sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội hiện đang tạm giữ để chuyển Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X chờ xử lý khi xét xử.

+ 01 USB loại KINGMAX 16G bên trong chứa 01 đoạn video ghi lại diễn biến sự việc bên ngoài quán K khi các bị cáo đến để thực hiện hành vi phạm tội,

hiện tạm giữ kèm theo hồ sơ vụ án làm căn cứ giải quyết theo quy định pháp luật.

+ Đối với xe mô tô BKS: 72A-565.46, màu trắng, hiệu KIA RONDO20GMT, số khung: RNYRP51M6JC124732, số máy: G4NAJH300233, (xe đã qua sử dụng) do bị cáo Đ sử dụng chở H, P làm phương tiện đi thực hiện hành vi phạm tội, qua điều tra xác minh xe mô tô trên là của bà Phạm Thị Thu M (vợ Đ) đứng tên chủ sở hữu, bà M không biết việc Đ lấy đi thực hiện hành vi phạm tội cùng H, P nên CQĐT đã xử lý trả lại cho bà M.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Hoàng T3 không yêu cầu bồi thường; bị hại Bùi Duy Thanh T2 yêu cầu các bị cáo H, Đ, P bồi thường số tiền 1.000.000.000 đồng (bao gồm tiền viện phí, tiền công lao động và tiền tổn thất tinh thần). H, Đ đồng ý nhưng chưa bồi thường; riêng P chỉ đồng ý bồi thường các khoản tiền có hoá đơn. Ngoài ra, bà Trần Thị T1 (mẹ P) đã thay P bồi thường cho bị hại T2 27.000.000 đồng tiền chi trả viện phí khi T2 nằm viện, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm bà T1 tiếp tục nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc số tiền 50.000.000đ thay cho bị cáo P nhằm đảm bảo thi hành án, bà T1 không yêu cầu P phải trả lại số tiền đã bồi thường thay.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2023/HSST ngày 03/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Trung H, Thái Văn Đ và Chu Hữu P phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tuyên phạt bị cáo Đỗ Trung H 06 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/7/2022;

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tuyên phạt bị cáo Thái Văn Đ 07 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/7/2022;

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung) năm 2017, tuyên phạt bị cáo Chu Hữu P 04 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/7/2022.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các điều 584, 585, 587, 590 Bộ luật dân sự, tuyên xử: Buộc các bị cáo Đỗ Trung H, Thái Văn Đ, Chu Hữu P có trách nhiệm liên đới tiếp tục bồi thường số tiền 76.000.000 đồng cho bị hại Bùi Duy Thanh T2. *(Theo phần của các bị cáo phải chịu như sau: bị cáo Đ chịu phần bồi thường 51.000.000 đồng; bị cáo H phải bồi thường 25.000.000 đồng).*

- Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại Bùi Duy Thanh T2 đối với số tiền 847.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 17/8/2023, bị hại Bùi Duy Thanh T2 có đơn kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Đỗ Trung H, Thái Văn Đ và bồi thường cho ông T2 các chi phí khám chữa bệnh phục hồi chức năng, tổn thất tinh thần, sức khỏe là 1 tỷ đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị hại Bùi Duy Thanh T2 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xét xử vụ án: Về tố tụng: bị hại có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đảm bảo về hình thức và chủ thể kháng cáo, do đó kháng cáo của bị hại là hợp lệ. Về nội dung: bản án sơ thẩm đã kết án các bị cáo Đỗ Trung H, Thái Văn Đ, Chu Hữu P về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo H 06 năm tù, bị cáo Đ 07 năm tù, bị cáo P 04 năm 06 tháng là và tuyên buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới tiếp tục bồi thường cho bị hại T2 số tiền 126.000.000 đồng là phù hợp với tính chất, mức độ tội phạm, nhân thân của các bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại không cung cấp thêm chứng cứ hay tài liệu nào mới để xem xét cho kháng cáo của bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị hại làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định của pháp luật về chủ thể kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo. Do vậy, kháng cáo của bị hại là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

2.1 Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án,

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 12 giờ 00 ngày 26/7/2022, Đỗ Trung H, Thái Văn Đ, Chu Hữu P cùng uống rượu tại nhà của P ở khu phố L, thị trấn P, huyện X. Trong lúc nói chuyện, H kể cho Đ và P nghe về việc nghi ngờ Chu Thị L (là vợ của H và là chị ruột của P) đang có quan hệ tình cảm với Bùi Duy Thanh T2. Đ nghe vậy nói “đánh cho nó một trận cút về B1” và nói “đập chết mẹ nó, gấp tao chặt chân, không cho nó ở đây”, P nói “Vợ con như vậy không được rồi, gấp vợ cậu như vậy sẽ đánh đuổi ra khỏi nhà còn thằng bồ thì đập một trận”. Lúc này, H nói đi tìm L thì Đ nói “đến mà thấy thằng nào có cử chỉ thân mật thì đánh luôn”, cả ba đồng ý. Đ lấy xe ô tô biển số 72A-565.46 của vợ Đ là Phạm Thị Thu M chở H và P đi, trên đường đi Đ nói cho H biết ở phía sau cốp xe có một cái cửa tay mục đích để H sử dụng đánh gây thương tích cho T2. Khi đến trước quán K ở ấp T, xã P, huyện X, Đức mở cốp xe tìm cửa tay đưa cho H cất giấu trong người. Sau đó, H đi vào trong quán trước, Đ đi theo phía sau còn P đi sau cùng. Khi đến trước phòng Vip 2 của quán, H nhìn vào trong thấy T2 đang ngồi gần L nên chạy vào rút cửa ra chém 01 nhát từ trên xuống hướng vào người T2, T2 đưa tay trái lên đỡ thì trúng vào tay gây thương tích với tỷ lệ 2%, H chém nhát thứ hai thì T2 chụp được cửa giăng co làm lưỡi cửa rơi xuống đất. Đ vào sau thấy T3 can ngăn không cho H đánh T2 nên Đ lấy ly thủy tinh trên bàn đánh vào đầu của T3 2-3 cái gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 02 %, sau đó Đ dè T3 lên mặt bàn dùng tay đấm vào mặt và dùng chỏ đánh vào lưng, đầu; quá trình xô xát Đ còn gây thương tích ở cẳng tay trái Trinh với tỷ lệ thương tật 0,5%. Sau khi đánh T3, Đức qua giúp sức cho H đánh T2, dùng lưỡi cửa gây thương tích ở chân trái với tỷ lệ thương tật là 29% và chân phải với tỷ lệ thương tật là 06%. Sau đó, P đi vào bước qua bàn đến chỗ T3 ngồi nắm cổ áo đe dọa ngồi im và cầm ly thủy tinh đánh 01 cái vào vùng trán của T2 làm bể ly, gây thương tích ở trán phải với tỷ lệ thương tật 01%, giữa trán là 3%.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Đỗ Trung H, Thái Văn Đ và Chu Hữu P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Căn cứ vào tỷ lệ thương tật và các tình tiết khác, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo H, Đ, P về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

2.2 Xét kháng cáo của bị hại Bùi Duy Thanh T2 yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Đỗ Trung H, Thái Văn Đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác mà còn gây mất trật tự công cộng. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo biết tôn trọng pháp luật đồng thời cũng nhằm mục đích phòng ngừa tội phạm chung. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm phân hóa trách nhiệm hình

sự của từng bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo P; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H, P. Từ đó tuyên phạt bị cáo H 06 (sáu) năm tù, bị cáo Đ 07 (bảy) năm tù, bị cáo P 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại không bổ sung tình tiết mới để xem xét yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị hại về việc yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo.

2.3 Xét kháng cáo của bị hại Bùi Duy Thanh T2 về việc bồi thường các chi phí khám chữa bệnh phục hồi chức năng, tổn thất tinh thần, sức khỏe là 1.000.000.000 đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Về mất thu nhập bị mất trong thời gian nằm viện: bị hại T2 nhập viện từ ngày 26/7/2022 đến 12/8/2022 tổng cộng là 18 ngày, thời gian chăm cứu, khám sức khỏe để kiểm tra thương tật và sau khi xuất viện phải ở nhà 3 tháng nên bị hại không lao động được và phải nhờ chị L và bà T1 chăm sóc nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời gian bị hại mất thu nhập là 03 tháng. Về mức thu nhập, Tòa án cấp sơ thẩm xác định lương trung bình của người lao động ở TP.HCM 30.000.000 đồng/tháng để áp dụng cho bị hại là tương đối cao và có lợi cho bị hại do đó xác định số tiền mất thu nhập của của bị hại T2 là 90.000.000 đồng tương ứng với 90 ngày lao động là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm: theo quy định của pháp luật, mức bồi thường cao nhất đối với trường hợp sức khỏe bị tổn hại là 20 tháng lương cơ sở. Do bị hại và bị cáo không thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường về sức khỏe nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức bồi thường tối đa là 20 tháng lương cơ sở tương ứng với 36.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với chi phí điều trị, thuốc men trong quá trình nằm viện là 27.000.000 đồng đã được bà Trần Thị T1 và chị Chu Thị L thanh toán hết, bị hại không cung cấp được tài liệu nào khác để chứng minh ngoài số tiền nêu trên, bị hại còn phải bỏ ra thêm chi phí để điều trị nên không có cơ sở để xem xét yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị hại Bùi Duy Thanh T2 về việc đề nghị tăng mức bồi thường thiệt hại đối với các bị cáo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị hại phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ số tiền yêu cầu bồi thường không được Tòa án chấp nhận là không

đúng vì riêng đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe bị xâm hại thì có hay không được chấp nhận vẫn không phải chịu án phí. Mặt khác, bị hại đang là người chịu ảnh hưởng do hành vi xâm phạm của các bị cáo gây ra nên không nhất thiết phải tính án phí về những yêu cầu về bồi thường không được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần thiết sửa án sơ thẩm về nội dung này, không buộc bị hại phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (Hội đồng xét xử sơ thẩm không có lỗi về tình tiết này).

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự:
 - a. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Bùi Duy Thanh T2 đề nghị tăng nặng trách nhiệm hình sự và mức bồi thường thiệt hại đối với các bị cáo Đỗ Trung H, Thái Văn Đ và Chu Hữu P, giữ nguyên nội dung của Bản án sơ thẩm số 62/2023/HSST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về mức hình phạt và trách nhiệm bồi thường dân sự;
 - Áp dụng điểm c Khoản 3 Điều 134; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), tuyên phạt bị cáo Đỗ Trung H 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/7/2022;
 - Áp dụng điểm c Khoản 3 Điều 134; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), tuyên phạt bị cáo Thái Văn Đ 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/7/2022;
 - Áp dụng điểm c Khoản 3 Điều 134; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), tuyên phạt bị cáo Chu Hữu P 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/7/2022.
 - Về trách nhiệm dân sự:
 - Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại Bùi Duy Thanh T2 đối với các bị cáo số tiền 847.000.000 đồng;
 - Áp dụng các điều 584, 585, 587, 590 Bộ luật dân sự, buộc các bị cáo Đỗ Trung H, Thái Văn Đ, Chu Hữu P có trách nhiệm liên đới tiếp tục bồi thường cho bị hại Bùi Duy Thanh T2 số tiền 76.000.000 đồng cho bị hại Bùi Duy Thanh T2 (theo phần của các bị cáo phải chịu như sau: bị cáo Đ chịu phần bồi thường 51.000.000 đồng; bị cáo H phải bồi thường 25.000.000 đồng và bị cáo P chịu phần bồi thường 0 đồng).

- Bị hại Bùi Duy Thanh T2 được nhận số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0003176 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (người nộp tiền là bà Trần Thị T1 nộp thay Chu Hữu P).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải chịu thêm khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

b. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 62/2023/HSST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về phần án phí dân sự sơ thẩm đối với bị hại ông Bùi Duy Thanh T2:

Buộc các bị cáo Đỗ Trung H, Thái Văn Đ, Chu Hữu P mỗi bị cáo phải nộp số tiền 2.300.000 đồng (bao gồm 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm).

Bị hại ông Bùi Duy Thanh T2 không phải nộp án phí sơ thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/12/2023).

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh BR – VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR – VT;
- PV 27 – Công an tỉnh BR – VT;
- TAND huyện Xuyên Mộc;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Công an huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THA dân sự huyện Xuyên Mộc;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu, Tòa hình sự, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Thái Hùng

